

Số: /STP-XDPBPL  
V/v ý kiến về việc xây dựng các dự thảo  
quyết định cụ thể hóa một số nội dung  
liên quan chính sách chi trả dịch vụ môi  
trường rừng

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 3543/SNNMT-QBVPTR ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc xây dựng các dự thảo quyết định cụ thể hóa một số nội dung liên quan chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Sau khi nghiên cứu dự thảo và các văn bản liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

## I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ điểm c khoản 2 Mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, quy định như sau:

**“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương và hệ số K được quy định tại khoản 2 Mục III Phụ lục này, quy định, hướng dẫn áp dụng các hệ số K thành phần trên địa bàn tỉnh.”**

Tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, quy định như sau:

**“3. Cơ sở sản xuất công nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp sử dụng nguồn nước cho sản xuất công nghiệp thuộc các ngành nghề theo quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định danh sách, nguồn nước có sử dụng dịch vụ môi trường rừng, mức sử dụng nước tối thiểu đối với cơ sở sản xuất công nghiệp phải trả tiền trên địa bàn tỉnh.**

**4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại điểm d khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp, bao gồm: các hoạt động dịch vụ lữ hành, vận tải khách du lịch, lưu trú du lịch, dịch vụ ăn uống, mua sắm, thể thao, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe, tham quan, quảng cáo trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng.**

6. *Cơ sở nuôi trồng thủy sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp là tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh sách tổ chức phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng.”.*

Và tại khoản 27 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, quy định như sau:

*“4. Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại điểm d khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp tối thiểu bằng 1% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ. Trường hợp chi trả ủy thác thông qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, mức chi trả cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.”.*

5. *Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp tối thiểu bằng 1% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ. Trường hợp chi trả ủy thác thông qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, mức chi trả cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.”.*

Như vậy, việc Sở Nông nghiệp và Môi trường dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh đề cụ thể hóa một số nội dung liên quan chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng là phù hợp.

## II. GÓP Ý CHI TIẾT

### 1. Đối với dự thảo Quyết định

Căn cứ Mẫu số 19 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đơn vị điều chỉnh một số nội dung sau:

a) Thống nhất trình bày đầy đủ cụm từ thời gian “ngày...tháng...năm...” thay cho cụm từ “ngày.../.../...”, cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh” thay cho cụm từ “UBND tỉnh”.

b) Không trình bày cụm từ “**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**” dưới phần tên gọi Quyết định.

c) Tại phần căn cứ ban hành

- Thay căn cứ thứ hai thành: “*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;*”

- Bổ sung dòng cuối như sau: “*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định một số nội dung về thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên*

*địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.”*

d) Không trình bày cụm từ “**QUYẾT ĐỊNH:**” dưới phần căn cứ ban hành.

đ) Tại Điều 1

- Tại khoản 1 Điều 1 về phạm vi điều chỉnh, đơn vị bỏ đoạn “*những nội dung khác về thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng vẫn áp dụng theo quy định hiện hành của pháp luật*”, vì không cần thiết.

- Tại khoản 2 Điều 1, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, đề nghị trình bày đầy đủ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP khi viện dẫn lần đầu.

e) Tại khoản 1 Điều 3

Căn cứ khoản 26 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, quy định: “3. Cơ sở sản xuất công nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp sử dụng nguồn nước cho sản xuất công nghiệp thuộc các ngành nghề theo quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định danh sách, nguồn nước có sử dụng dịch vụ môi trường rừng, mức sử dụng nước **tối thiểu** đối với cơ sở sản xuất công nghiệp phải trả tiền trên địa bàn tỉnh”.

Như vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định mức sử dụng nước **tối thiểu** đối với cơ sở sản xuất công nghiệp phải trả tiền trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên dự thảo Quyết định đã quy định “*Khối lượng nước để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là khối lượng nước cơ sở sản xuất đã sử dụng, tính theo đồng hồ đo nước hoặc theo lượng nước được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc theo chứng từ mua bán nước giữa cơ sở sản xuất công nghiệp với đơn vị kinh doanh nước*” mà không xác định mức sử dụng nước **tối thiểu** là chưa phù hợp với quy định tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

g) Tại khoản 1 Điều 4, đơn vị cần nhắc quy định danh sách các đối tượng phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng bằng một văn bản riêng (dưới hình thức văn bản cá biệt), không kèm theo dự thảo Quyết định. Vì danh sách này có thể thay đổi thường xuyên, do đó nếu có sự thay đổi thì việc sửa đổi, bổ sung danh sách này sẽ được thực hiện nhanh chóng hơn, mà không cần phải thực hiện sửa đổi, bổ sung theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

h) Tại phần Nơi nhận

- Điều chỉnh dòng “Nơi Điều 7” thành “Nơi Điều 6”.

- Thay cụm từ “Cục Kiểm tra VB quy phạm PL” thành “Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính”.

## 2. Đối với dự thảo Tờ trình

a) Đề nghị đơn vị điều chỉnh bố cục, nội dung của Tờ trình đảm bảo theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

b) Căn cứ nội dung đã góp ý tại khoản 1 Mục II Văn bản này, đơn vị điều chỉnh nội dung Tờ trình cho phù hợp.

### **3. Đối với dự thảo Báo cáo**

Căn cứ nội dung đã góp ý tại điểm e khoản 1 Mục II Văn bản này, đơn vị nghiên cứu, điều chỉnh nội dung tại khoản 4 Mục V cho phù hợp.

Trên đây là ý kiến về việc xây dựng các dự thảo quyết định cụ thể hóa một số nội dung liên quan chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Sở Tư pháp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
  - Giám đốc Sở, các PGĐ Sở;
  - Lưu: VT, XDPBPL.
- (Thùy)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phan Quang Tuấn**